

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ

Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN

Châu Thành, tháng 02 năm 2023

CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN

BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA CƠ SỞ
Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN

CHỦ CƠ SỞ



[Handwritten signature]

PHAN TẠC HIỂN

Châu Thành, tháng 02 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
DANH MỤC BẢNG	4
DANH MỤC HÌNH.....	5
Chương I. THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ	6
1.1. Tên chủ cơ sở.....	6
1.2. Tên cơ sở	6
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở.....	7
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở	7
1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở.....	7
1.3.3. Sản phẩm của cơ sở.....	8
1.4. Nguyên liệu, điện năng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở.....	8
1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của cơ sở	8
1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng	9
1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước	9
1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở	9
1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở	9
1.5.2. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, nhu cầu sử dụng lao động và thời gian hoạt động của cơ sở.....	10
Chương II. SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG.....	11
2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường.....	11
2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường.....	11
Chương III. KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ.....	14
3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải	14
3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa	14
3.1.2. Thu gom, thoát nước thải	14
3.1.3. Xử lý nước thải.....	15
3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải	16
3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường.....	16
3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt.....	16
3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường	16
3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại.....	17
Chương IV. NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	19

Chương V. KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	21
5.1. Thành phần môi trường quan trắc tại cơ sở	21
5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở	21
5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn.....	22
Chương VI. CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ	23
6.1. Chương trình quan trắc chất thải	23
6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm.....	23
Chương VII. KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI CƠ SỞ	24
Chương VIII. CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ	25
PHỤ LỤC KÈM THEO	26

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BVMT	Bảo vệ môi trường
CP	Chính phủ
CTNH	Chất thải nguy hại
CTR	Chất thải rắn
CTRSH	Chất thải rắn sinh hoạt
CTRCNTT	Chất thải rắn công nghiệp thông thường
NĐ	Nghị định
NM	Nước mặt
MTV	Một thành viên
QCVN	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia
QĐ	Quyết định
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TT	Thông tư
UBND	Ủy ban nhân dân

DANH MỤC BẢNG

	Trang
Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu và nguồn cung cấp tại cơ sở	9
Bảng 1.2. Các hạng mục công trình tại cơ sở	9
Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng lao động tại cơ sở	10
Bảng 2.1. Kết quả quan trắc không tại khu văn hoá-du lịch Bà Om	11
Bảng 2.2. Kết quả thử nghiệm nước dưới đất tại khu vực gần bãi rác thành phố Trà Vinh	12
Bảng 3.2. Thành phần và khối lượng phát sinh CTCNTT	16
Bảng 3.3. Thành phần và khối lượng phát sinh CTNH.....	17
Bảng 3.4. Danh mục trang thiết bị PCCC tại cơ sở.....	18
Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép	19
Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép	20
Bảng 5.1. Số lượng mẫu môi trường không khí tại cơ sở	21
Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở	21
Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn	22
Bảng 6.3. Chi phí quan trắc môi trường định kỳ hàng năm của cơ sở.....	23

DANH MỤC HÌNH

	Trang
Hình 1.1. Ảnh vệ tinh vị trí của cơ sở.....	6
Hình 1.2. Quy trình nhập – xuất hàng hóa tại cơ sở.....	7
Hình 3.1. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở.....	15

Chương I THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ

1.1. Tên chủ cơ sở

- Tên chủ cơ sở: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ô tô Trường Xuân.
- Địa chỉ văn phòng: ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hoá, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
- Người đại diện cơ sở: (Ông) Phạm Thế Hiền, chức vụ: Chủ tịch HĐQT kiêm tổng Giám Đốc.
- Điện thoại: 0983 763 779.
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2100653253 đăng ký lần đầu ngày 09/01/2020, đăng ký thay đổi lần thứ 2, ngày 27/07/2020.

1.2. Tên cơ sở

- Tên cơ sở: **Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN**
- Địa điểm cơ sở: cơ sở được thực hiện trên tổng diện tích 2.375,8m² thuộc thửa đất số 306 tờ bản đồ số 3 tại ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hoá, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Tứ cận tiếp giáp của cơ sở như sau:
 - + Phía Bắc: giáp vườn người dân, tiếp đến là đất trồng.
 - + Phía Đông: giáp vườn người dân, tiếp đến là nhà dân.
 - + Phía Nam: giáp Quốc lộ 53, tiếp đến là nhà người dân.
 - + Phía Tây: giáp khu đất trồng, tiếp đến là nhà dân.



Hình 1.1. Ảnh vệ tinh vị trí của cơ sở

- Quy mô của cơ sở (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

- + Căn cứ theo điểm đ, khoản 5, Điều 8 và khoản 4 Điều 10 của Luật đầu tư công số 39/2019/QH14, cơ sở có vốn đầu tư 15 tỷ đồng (*Mười lăm tỷ đồng*): thuộc nhóm C.
- + Căn cứ mục 2 Phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ thì cơ sở thuộc nhóm III.
- + Căn cứ khoản 2 Điều 39 và Khoản 4 Điều 41 Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14, thì cơ sở thuộc đối tượng phải lập Báo cáo đề xuất cấp GPMT trình Phòng TN&MT huyện Châu Thành thẩm định và tham mưu Ủy ban nhân dân huyện Châu Thành cấp phép.

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của cơ sở

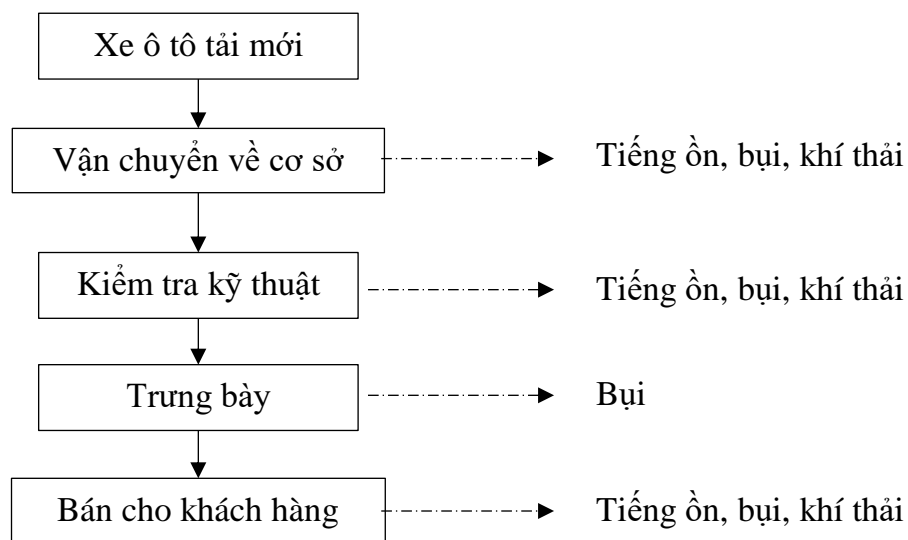
1.3.1. Công suất hoạt động của cơ sở

Công suất hoạt động của cơ sở là số lượng xe ô tô tải (mới) phân phối trên địa bàn khoảng 70 chiếc/năm và số lượng xe được bảo dưỡng, sửa chữa (nhỏ) với số lượng khoảng 30 chiếc/năm.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của cơ sở

Loại hình hoạt động của cơ sở là kinh doanh xe ô tô tải (mới) và dịch vụ bảo dưỡng xe, sửa chữa nhỏ. Quy trình hoạt động của cơ sở được thể hiện qua hình sau:

❖ Quy trình kinh doanh xe ô tô tải:



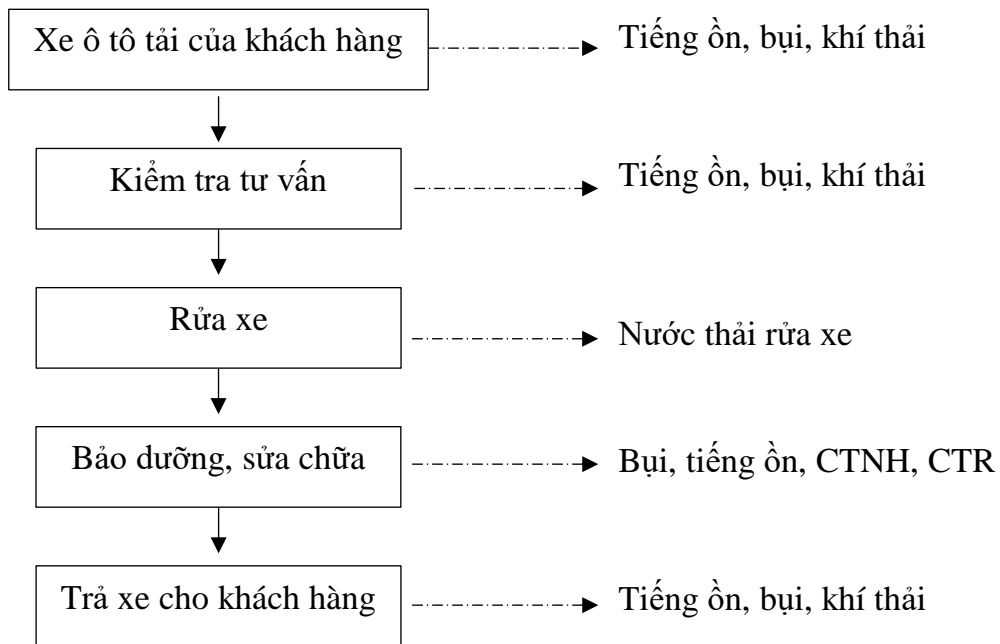
Hình 1.2. Quy trình kinh doanh xe ô tô tải (mới) tại cơ sở

* Thuyết minh quy trình:

Xe ô tô tải (mới) được vận chuyển từ tỉnh Quảng Ninh và TP. Hà Nội về cơ sở bằng xe lồng chuyên dụng. Khi tiếp nhận xe ô tô tải mới, nhân viên kỹ thuật sẽ tiến hành kiểm tra kỹ thuật đảm bảo xe đạt chất lượng và yêu cầu. Sau kiểm tra, xe đạt yêu cầu sẽ được chuyển và sắp xếp vào khu trưng bày của cơ sở. Khách hàng

có nhu cầu mua xe sẽ chọn loại xe phù hợp tại khu trưng bày và sau đó sẽ tiến hành các thủ tục thanh toán, giao nhận xe.

❖ **Quy trình dịch vụ bảo dưỡng xe và sửa chữa nhỏ:**



Hình 1.3. Quy trình dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa tại cơ sở

* **Thuyết minh quy trình:**

Xe ô tô tải của khách hàng đến liên hệ sẽ được nhân viên kỹ thuật kiểm tra và tư vấn. Sau kiểm tra, nhân viên kỹ thuật sẽ trao đổi với khách hàng về những công việc sẽ thực hiện và thời gian trả xe cho khách. Khi khách hàng có yêu cầu rửa xe trước khi bảo dưỡng, xe sẽ được nhân viên mang đến khu vực rửa xe được bố trí tại cơ sở, xe sau rửa và vệ sinh sẽ được nhân viên kỹ thuật đưa vào khu vực kỹ thuật để tiến hành bảo dưỡng và sửa chữa theo yêu cầu của khách hàng. Hoạt động bảo dưỡng và sửa chữa tại cơ sở bao gồm: thay nhớt xe, nâng cấp, phục hồi thay thế các bộ phận, máy móc hư hỏng, thay kính chiếu hậu, lốp xe, Xe sau bảo dưỡng, sửa chữa sẽ được giao lại cho khách hàng theo như thời gian hẹn và khách hàng sẽ hoàn thành các thủ tục thanh toán cần thiết.

1.3.3. Sản phẩm của cơ sở

Sản phẩm của cơ sở là số lượng xe ô tô tải (mới) bán ra khoảng 70 chiếc/năm và xe ô tô tải đến bảo dưỡng, sửa chữa với số lượng khoảng 30 chiếc/năm.

1.4. Nguyên liệu, điện năng, nguồn cung cấp điện, nước của cơ sở

1.4.1. Nhu cầu sử dụng nguyên liệu của cơ sở

Nguồn xe tải và các phụ tùng được cơ sở nhập về từ các công ty uy tín tại thành phố Hà Nội và tỉnh Quảng Ninh. Chủ cơ sở cam kết đầy đủ các hoá đơn, chứng từ, nguồn gốc xe nhập tại cơ sở là hợp pháp và đúng quy định của pháp luật. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu tại cơ sở cụ thể như sau:

Bảng 1.1. Nhu cầu sử dụng nguyên, vật liệu và nguồn cung cấp tại cơ sở

Stt	Tên nguyên, vật liệu	Đơn vị	Số lượng/năm	Nguồn cung cấp
1	Xe ô tô tải (mới)	Chiếc	70	Hà Nội, Quảng Ninh
2	Nhớt động cơ	Lít	100	
3	Nhớt cầu hộp số	Lít	10	
4	Dầu thắng	Lít	30	
5	Dây hàn (Mig)	Kg	1,0	
8	Bộ lọc dầu	Kg	5,0	Trà Vinh
9	Vải lau	Kg	6,0	
10	Dầu DO (để thử máy)	Lít	140	

(Nguồn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ô tô Trường Xuân, 2023)

1.4.2. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp điện năng

- Nhu cầu sử dụng điện: nhu cầu sử dụng điện tại cơ sở trung bình khoảng 1.390kWh/tháng, phục vụ cho các hoạt động văn phòng, chiếu sáng tại cơ sở.
- Nguồn cung cấp điện năng: được lấy từ mạng lưới điện quốc gia.

1.4.3. Nhu cầu sử dụng và nguồn cung cấp nước

- Nhu cầu sử dụng nước tại cơ sở: dựa theo hóa đơn tiền nước tại cơ sở trong 03 tháng gần nhất (tháng 10/2022- tháng 12/2022) thì khối lượng nước tiêu thụ tại cơ sở khoảng 1,8 m³/ngày.đêm. Trong đó:
 - + Nước cấp cho mục đích sinh hoạt của công nhân viên khoảng 1,0 m³/ngày.đêm;
 - + Nước cấp cho hoạt động rửa xe (theo yêu cầu của khách hàng đến bảo dưỡng) khoảng 0,8 m³/ngày.đêm.
- Nguồn cung cấp nước: từ Công ty Cổ phần Cấp Thoát nước Trà Vinh.

1.5. Các thông tin khác liên quan đến cơ sở

1.5.1. Các hạng mục công trình của cơ sở

Cơ sở được xây dựng trên tổng diện tích là 2.375,8 m² với các hạng mục công trình như sau:

Bảng 1.2. Các hạng mục công trình tại cơ sở

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Quy mô	Tỉ lệ (%)
I	Hạng mục công trình chính	m²	739,36	31,12
1	Khu văn phòng	m ²	125,55	5,29
2	Khu nhà kho	m ²	23,92	1,00

Stt	Hạng mục	Đơn vị tính	Quy mô	Tỉ lệ (%)
3	Khu phòng ngủ, bếp	m ²	50,7	2,13
4	Khu phòng bảo vệ	m ²	5,00	0,21
5	Khu trung bày	m ²	224,68	9,46
6	Khu vực bảo dưỡng xe	m ²	309,51	13,03
II	Hạng mục công trình phụ trợ	m²	1.603,16	67,48
1	Đường giao thông nội bộ, tường rào	m ²	1.565,16	65,88
2	Hệ thống thông tin liên lạc, camera giám sát	-	-	-
3	Hệ thống PCCC	m ²	38,00	1,60
III	Hạng mục công trình bảo vệ môi trường	m²	33,28	1,40
1	Nhà vệ sinh	m ²	10,14	0,43
2	Hệ thống thu gom, thoát nước mưa	-	-	-
3	Khu vực chứa CTRTT	m ²	10,40	0,43
4	Khu vực chứa CTNH	m ²	12,74	0,54
Tổng cộng (I + II + III)		m²	2.375,8	100

(Nguồn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ô tô Trường Xuân, 2023)

1.5.2. Tổng vốn đầu tư của cơ sở, nhu cầu sử dụng lao động và thời gian hoạt động của cơ sở

- Tổng vốn đầu tư của cơ sở là 15,0 tỷ đồng (Bằng chữ: mười lăm tỷ đồng), nguồn vốn từ 100% của chủ cơ sở.

- Thời gian hoạt động của cơ sở: từ 7h30 – 17h00 cùng ngày.

- Nhu cầu sử dụng lao động tại cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 1.3. Nhu cầu sử dụng lao động tại cơ sở

Stt	Vị trí lao động	Số lượng
1	Giám đốc	01
2	Trợ lý	01
3	Bộ phận văn phòng	02
4	Bộ phận kỹ thuật	01
Tổng cộng (1 + 2 + 3 + 4)		05

(Nguồn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ô tô Trường Xuân, 2023)

Chương II

SỰ PHÙ HỢP CỦA CƠ SỞ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của cơ sở với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường

- Cơ sở hoạt động góp phần thúc đẩy phát triển ngành thương mại – dịch vụ trong tỉnh, đa dạng hóa nguồn cung ứng các sản phẩm hàng hóa, phù hợp với định hướng phát triển thương mại - dịch vụ trong nước theo Quyết định số 1163/QĐ-TTg ngày 13/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Chiến lược “Phát triển thương mại trong nước giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045”. Ngoài ra, cơ sở hoạt động còn góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, hoàn toàn phù hợp với Nghị quyết số 43/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về Nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Trà Vinh năm 2023.

- Về vị trí của cơ sở: cơ sở được thực hiện trên tổng diện tích 2.375,8m², thuộc thửa đất số 306 tờ bản đồ số 3 tại ấp Bến Có, xã Nguyệt Hoá, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Trong đó có 300m² đất ở và 2.075,8m² là đất trồng cây lâu năm. Chủ cơ sở cam kết thực hiện chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp trong thời hạn 05 năm (từ năm 2023-2028).

2.2. Sự phù hợp của cơ sở đối với khả năng chịu tải của môi trường

- Trong quá trình hoạt động cơ sở có khả năng tác động trực tiếp đến môi trường không khí và nước dưới đất tại khu vực. Để đánh giá khả năng chịu tải của môi trường không khí và nước dưới đất tại khu vực cơ sở, báo cáo đã tổng hợp dữ liệu quan trắc môi trường từ Báo cáo kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021.

- Tham khảo kết quả quan trắc môi trường không khí tại điểm khu văn hoá – du lịch Bà Om (cách 1,7 km theo hướng Đông Nam của cơ sở, kí hiệu mẫu: KK₃₃) từ Báo cáo kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021 như sau:

Bảng 2.1. Kết quả quan trắc không tại khu văn hoá-du lịch Bà Om

Đợt quan trắc	Ký hiệu mẫu	Thông số							
		Tiếng ồn	Bụi lơ lửng	SO ₂	NO ₂	CO	O ₃	Pb	HC
		dBA	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³	µg/m ³
Đợt 1	K ₃₃	55,7	91	KPH	KPH	7.560	KPH	-	-
Đợt 2		63,7	99	21	KPH	10.156	KPH	-	-
Đợt 3		50,2	38	KPH	20	4.127	21	-	-
Đợt 4		57,1	167	18	12	6.283	20	-	-
Giới hạn cho phép		70*	300	350	200	30.000	200	-	5.000**

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021)

*** Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện; Giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

- Giá trị (*) áp dụng theo QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

- Giá trị (**) áp dụng theo QCVN 06:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về một số chất độc hại trong không khí xung quanh.

*** Đánh giá chất lượng môi trường không khí tại điểm khu văn hoá – du lịch Bà Om:**

Môi trường không khí tại khu văn hoá – du lịch Bà Om năm 2021 có chất lượng tốt, 08/08 thông số quan trắc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép quy định tại QCVN 05:2013/BTNMT, QCVN 26:2010/BTNMT và QCVN 06:2009/BTNMT.

- Tham khảo kết quả quan trắc nước dưới đất môi trường tác động tại điểm khu vực gần bãi rác thành phố Trà Vinh (cách 3,8 km theo hướng Tây nam của cơ sở, kí hiệu mẫu: NG₃) từ Báo cáo kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021 như sau:

Bảng 2.2. Kết quả thử nghiệm nước dưới đất tại khu vực gần bãi rác thành phố Trà Vinh

Stt	Thông số	Đơn vị	NG ₁₂				QCVN 09-MT:2015 /BTNMT
			Đợt 1	Đợt 2	Đợt 3	Đợt 4	
1	pH	-	7,09	7,20	6,84	6,93	5,5 - 8,5
2	Độ cứng tổng số (theo CaCO ₃)	mg/L	532	514	529	508	500
3	COD (KMnO ₄)	mg/L	0,58	0,72	0,71	0,59	4
4	Cl ⁻	mg/L	1.115	138	108	108	250
5	F ⁻	mg/L	0,45	0,38	KPH	0,46	1
6	NO ₂ ⁻ -N	mg/L	KPH	KPH	0,022	KPH	1
7	NO ₃ ⁻ -N	mg/L	0,029	0,044	0,027	KPH	15
8	SO ₄ ²⁻	mg/L	163	88	135	152	400
9	As	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,05
10	Pb	mg/L	KPH	KPH	KPH	KPH	0,01
11	Fe	mg/L	2,149	0,959	1,624	1,678	5
12	E.Coli	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	KPH
13	Coliform	MPN/100ml	KPH	KPH	KPH	KPH	3

(Nguồn: Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021)

*** Ghi chú:**

- KPH: Không phát hiện;

- Giới hạn cho phép theo QCVN 09-MT:2015/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước dưới đất.

*** Nhận xét:**

Kết quả thử nghiệm cho thấy, nước dưới đất tại Khu vực gần bãi rác thành phố Trà Vinh có chất lượng tương đối tốt, với 11/13 thông số quan trắc nằm trong giới hạn cho phép, riêng độ cứng tổng số (theo CaCO_3) vượt giới hạn cho phép từ 1,02 - 1,06 lần ở cả 4 đợt quan trắc, thông số Cl^- vượt giới hạn cho phép 4,46 lần vào đợt 1.


Qua kết quả quan trắc của Báo cáo tổng hợp kết quả quan trắc môi trường tỉnh Trà Vinh năm 2021 cho thấy, chất lượng không khí và môi trường nước dưới đất khu vực xung quanh cơ sở còn khá tốt. Vì vậy, nhận thấy hoạt động của cơ sở hoàn toàn phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường tiếp nhận chất thải tại khu vực.

Chương III

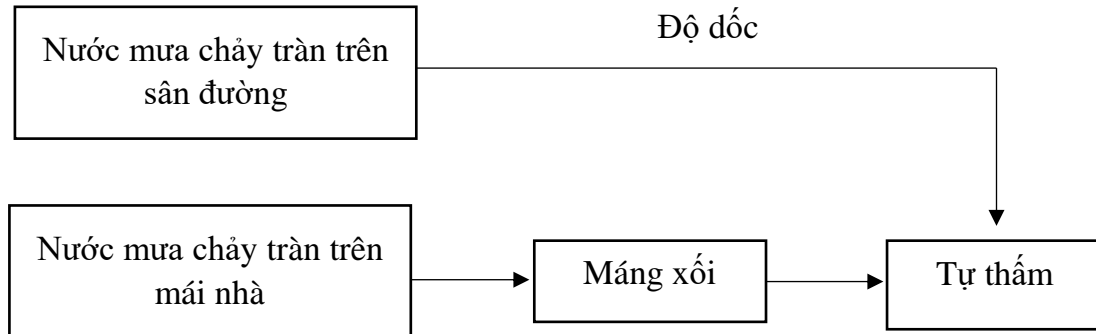
KẾT QUẢ HOÀN THÀNH CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

3.1. Công trình, biện pháp thoát nước mưa, thu gom và xử lý nước thải

3.1.1. Thu gom, thoát nước mưa

 Hệ thống thu gom, thoát nước mưa tại cơ sở

Hình thức thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại cơ sở đang thực hiện được mô tả như sau:



Hình 3.1. Sơ đồ thu gom và thoát nước mưa chảy tràn tại cơ sở

 **Thuyết minh quy trình**

- Nước mưa chảy tràn trên mái nhà được thu gom bằng máng xối có chất liệu bằng nhựa PVC Ø90 bố trí dọc theo phía sau mái nhà. Nước mưa từ máng xối sẽ được dẫn xuống đất qua đường ống nhựa PVC Ø90 và thoát ra đất trống phía sau nằm trong khuôn viên của cơ sở.

- Nước mưa chảy tràn trên sân đường nội bộ sẽ chảy theo độ dốc mặt đường và tụ thảm.

3.1.2. Thu gom, thoát nước thải

a. Nước thải sinh hoạt:

- Công trình thu gom: Nhà vệ sinh, diện tích xây dựng khoảng 10,14 m², kết cấu tường bao, nền lát gạch.

- Công trình xử lý và thoát nước thải: nước thải sinh hoạt sau khi được xử lý bằng hầm tự hoại sẽ thoát ra ngoài theo hình thức tự thắm.

- Điểm xả nước thải sau xử lý:

- + Vị trí xả thải: lượng nước thải phát sinh được lưu chứa trong hầm tự hoại theo tọa độ: X(m) = 1098215, Y(m) = 586566 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰), ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hoá, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

- + Phương thức xả thải: tự thắm.

- + Nguồn tiếp nhận nước thải: môi trường đất tại cơ sở.

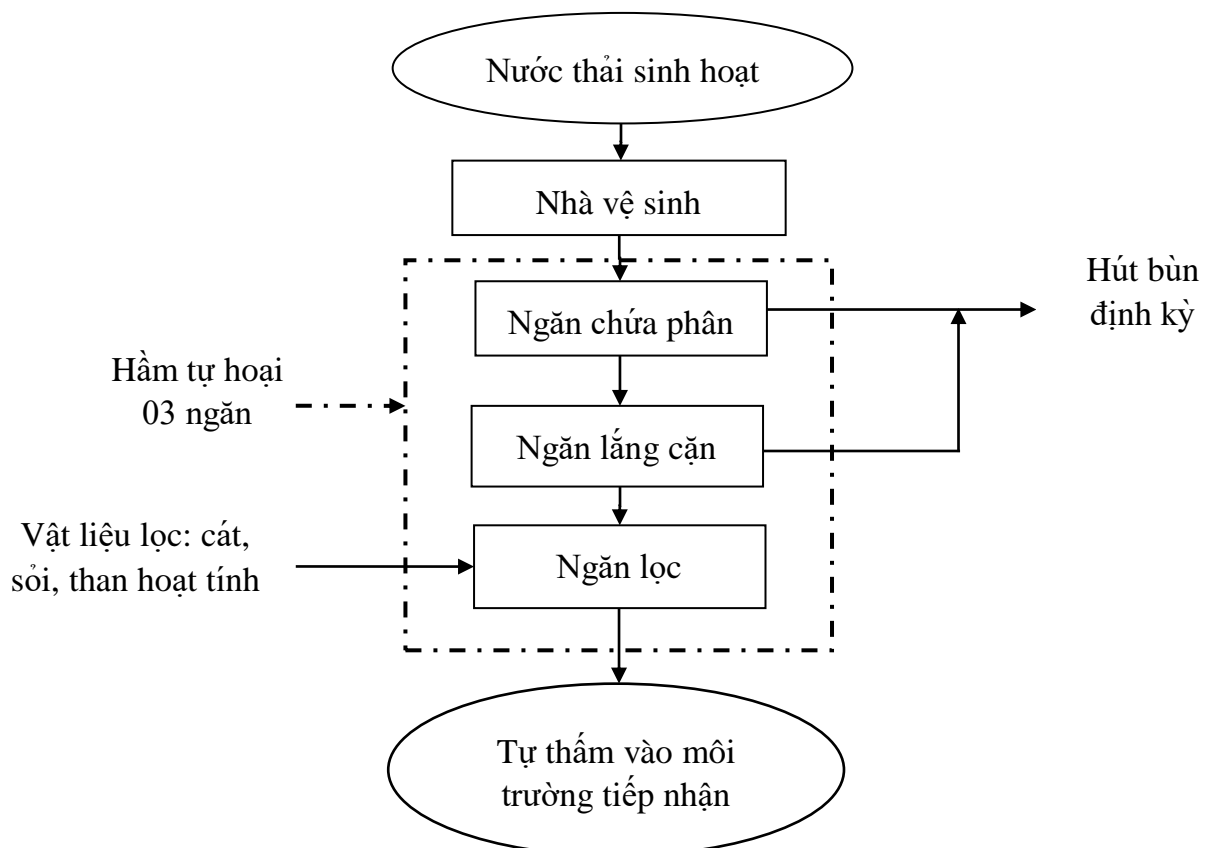
b. Nước thải rửa xe:

Khối lượng nước thải rửa xe phát sinh tại cơ sở rất ít, hiện cơ sở chưa thực hiện công trình thu gom, xử lý và thoát nước thải. Nước thải sau rửa xe theo độ dốc mặt đường chảy tràn, tự thấm và bốc hơi.

3.1.3. Xử lý nước thải

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở khoảng 1,44 m³/ngày.đêm (ước tính tỷ lệ thu gom đạt 80% lượng nước cấp). Trong đó, nước thải sinh hoạt khoảng 0,8 m³/ngày.đêm và nước thải rửa xe khoảng 0,64 m³/ngày.đêm).

- Nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở được thu gom và đưa về hầm tự hoại xử lý bằng công nghệ xử lý sinh học yếm khí. Sơ đồ quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở như sau:



Hình 3.1. Quy trình xử lý nước thải sinh hoạt tại cơ sở

*** Thuyết minh quy trình:**

Nước thải sinh hoạt được thu gom từ nhà vệ sinh sẽ dẫn xuống bể tự hoại 03 ngăn để xử lý. Tại đây nước thải đi qua lần lượt các ngăn trong bể, các chất cặn lơ lửng dần dần lắng xuống đáy bể. Bể tự hoại được xây dựng với đáy bằng bê tông, vách tường. Bể tự hoại 03 ngăn là công trình xử lý thực hiện ba chức năng là: lắng cặn – phân hủy cặn – lọc nước. Trong bể tự hoại có ống thông hơi để giải phóng lượng khí sinh ra trong quá trình lên men kỵ khí và để thông các ống đầu vào, đầu ra khi bị nghẹt.

Lượng nước thải sinh hoạt phát sinh tại cơ sở tương đối ít, được lưu chứa trong hầm tự hoại, trường hợp nước thải trong hầm tự hoại đầy sẽ thoát ra môi trường

bên ngoài theo hình thức tự thấm. Để tăng hiệu quả xử lý của hầm tự hoại, chủ cơ sở định kỳ sẽ bổ sung chế phẩm sinh học và thuê đơn vị chức năng hút bùn, cặn lắng trong hầm với tần suất 06 tháng/lần.

- Nước thải rửa xe: khối lượng nước thải rửa xe phát sinh tại cơ sở rất ít, khoảng 0,64 m³/ngày.đêm. Nước thải rửa xe theo độ dốc mặt đường chảy tràn, tự thấm và bốc hơi vào môi trường tiếp nhận.

3.2. Công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện ra vào cơ sở. Một số biện pháp giảm thiểu bụi, khí thải được áp dụng như sau:

- Bố trí hợp lý khu vực đậu xe ra vào cơ sở.
- Tất cả phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở phải được đăng kiểm đúng quy định, chở đúng tải trọng cho phép.
- Yêu cầu các phương tiện đến cơ sở tắt máy trong thời gian chờ.
- Thường xuyên quét dọn bề mặt sân đường, vệ sinh sạch sẽ khu vực cơ sở, tưới nước sân đường vào những ngày nắng nóng.
- Bố trí cây xanh trong khuôn viên vừa cải thiện môi trường vi khí hậu vừa tăng mỹ quan cho khu vực cơ sở.
- Trang bị khẩu trang, bảo hộ lao động, găng tay,... cho nhân công làm việc.

3.3. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn thông thường

3.3.1. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải sinh hoạt

- Thành phần và khối lượng phát sinh: khối lượng CTRSH phát sinh khoảng 4,0 kg/ngày, tương đương khoảng 120 kg/tháng; với thành phần phát sinh bao gồm: vỏ đồ hộp, chai nhựa, thực phẩm dư thừa, vỏ trái cây, rau, củ, quả,...

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý: bố trí 01 thùng chứa CTRSH, loại 240 lít, có nắp đậy, chất liệu bằng nhựa HDPE để thu gom và lưu chứa CTRSH hàng ngày. Thùng chứa CTRSH được bố trí ở phía bên ngoài cổng rào của cơ sở để thuận tiện cho đơn vị thu gom và vận chuyển.

- Đơn vị thu gom và xử lý: cơ sở đã hợp đồng với Hợp tác xã Xây dựng – Môi trường Trà Vinh để thu gom, vận chuyển và xử lý khối lượng rác thải phát sinh tại cơ sở với tần suất 01 lần/ngày.

3.3.2. Công trình lưu giữ, xử lý chất thải rắn công nghiệp thông thường

Thành phần và khối lượng phát sinh: CTCNTT phát sinh chủ yếu là bu lông, ốc vít, gương chiếu hậu, lốp xe, phụ tùng hư hỏng...., không nhiễm các thành phần nguy hại với thành phần và khối lượng phát sinh được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.1. Thành phần và khối lượng phát sinh CTCNTT

Stt	Thành phần	Khối lượng (kg/tháng)	Khối lượng (kg/năm)
1	Bu lông, ốc, gương chiếu hậu, lốp xe...	3,0	36,0

2	Phụ tùng hư hỏng, các chi tiết máy (không nhiễm thành phần nguy hại).	3,0	36,0
Tổng cộng (1+2)		6,0	72,0

(Nguồn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ô tô Trường Xuân, 2023)

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTRCNTT:
 - + CTRCNTT được thu gom và lưu chứa trong các dụng cụ chứa được bố trí trong kho, với diện tích khoảng 10,4 m² nền bê tông, tường bao, mái che để lưu chứa.
 - + CTRCNTT được phân loại thành loại có thể tái chế và loại không tái chế. Đối với loại có khả năng tái chế được thu gom vào 01 thùng chứa, được tận dụng lại. Đối với loại không thể tái chế được thu gom và lưu giữ trong khu vực chứa CTRCNTT và định kỳ bán lại cho các cơ sở thu mua phế liệu, tần suất 6 tháng/lần.

3.4. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

- Thành phần và khối lượng phát sinh: CTNH phát sinh tại cơ sở với thành phần bao gồm: bóng đèn hư hỏng, hộp mực in thải, dầu nhớt thải, các chi tiết máy bị nhiễm thành phần nguy hại, với khối lượng phát sinh được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 3.2. Thành phần và khối lượng phát sinh CTNH

Stt	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH	Khối lượng (kg/năm)
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	Rắn	16 01 06	0,3
2	Hộp mực in thải	Rắn	08 02 04	0,5
3	Chi tiết máy (bị nhiễm thành phần nguy hại)	Rắn	15 01 09	48,0
4	Dầu nhớt thải	Lỏng	15 02 05	80,0
Tổng cộng (1 + 2 + 3+4)				128,8

(Nguồn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ô tô Trường Xuân, 2023)

- Biện pháp thu gom, lưu giữ và xử lý CTNH:
 - + Thu gom, lưu giữ CTNH trong các dụng cụ chứa và đặt trong khu vực kho chứa CTNH, khu vực chứa có diện tích khoảng 12,74m², nền bê tông, có mái che.
 - + Bố trí 03 thùng chứa CTNH có nắp đậy, được dán nhãn để phân loại CTNH (02 thùng phuy chứa dầu nhớt thải và 01 thùng nhựa chứa hộp mực in và bóng đèn huỳnh quang).
 - + Biện pháp xử lý CTNH: CTNH được thu gom, phân loại và lưu giữ trong các dụng cụ chứa và khi đủ khối lượng sẽ được công ty cổ phần

công nghệ môi trường Trái Đất thu gom, vận chuyển và xử lý theo hợp đồng Số 2631/2022/HĐ-TĐX.

3.5. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn

Nguồn phát sinh tiếng ồn chủ yếu từ hoạt động ra vào của các phương tiện vận chuyển hàng hóa và các phương tiện của khách hàng đến cơ sở. Một số công trình, biện pháp giảm thiểu ảnh hưởng của tiếng ồn như sau:

- Khu vực của cơ sở có tường bao quanh nên hạn chế ảnh hưởng của tiếng ồn đến khu vực xung quanh cơ sở;
- Các phương tiện vận chuyển ra vào cơ sở phải tắt máy trong thời gian chờ;
- Bố trí khu vực để xe hợp lý cho xe máy của khách hàng, công nhân viên, xe vận chuyển hàng hóa;
- Các phương tiện vận chuyển phải được định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng theo đúng quy định.

3.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường

3.6.1. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố tai nạn lao động

- Tập huấn cho nhân viên về quy trình làm việc, an toàn lao động nhất là đối với nhân viên kỹ thuật bảo trì, bảo dưỡng;
- Định kỳ kiểm tra, bảo trì các thiết bị, phương tiện vận chuyển theo đúng quy định, đảm bảo các phương tiện vận chuyển luôn ở trong tình trạng hoạt động tốt nhất;
- Tham gia và đóng bảo hiểm đầy đủ cho công nhân viên theo đúng quy định của pháp luật.

3.6.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ

- Trang bị đầy đủ số lượng thiết bị PCCC cơ bản tại các khu vực có nguy cơ xảy ra sự cố cháy nổ;
- Nghiêm cấm hút thuốc bên trong khu vực kho chứa và khu vực dễ cháy (kho chứa dầu, nhớt,...).
- Bố trí các thiết bị sử dụng điện hợp lý, cầu dao điện tuân thủ các biện pháp an toàn về điện;
- Phối hợp thường xuyên với lực lượng PCCC để tham gia các lớp tập huấn về PCCC và yêu cầu công nhân viên tuân thủ các quy định về PCCC;
- Tại cơ sở đã trang bị hệ thống PCCC, bên cạnh đó cơ sở bố trí thêm bình chữa cháy, số lượng và khu vực bố trí theo bảng sau:

Bảng 3.3. Danh mục trang thiết bị PCCC tại cơ sở

Stt	Khu vực bố trí	Bình chữa cháy	Số lượng (Bình)
1	Khu vực văn phòng	Bình bột, loại 6 kg	01
		Bình CO ₂ , loại 6 kg	01

(Nguồn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ô tô Trường Xuân, 2023)

Chương IV NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

4.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

- Nguồn phát sinh nước thải: 01 nguồn nước thải phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân viên.
- Lưu lượng xả nước thải tối đa: khoảng 0,8 m³/ngày.đêm;
- Dòng nước thải sau xử lý đề nghị cấp phép: 01 dòng nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại 03 ngăn thoát ra môi trường bên ngoài theo hình thức tự thấm;
- Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm trong nước thải đề nghị cấp phép được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.1. Các chất ô nhiễm, giá trị giới hạn của các chất ô nhiễm theo dòng nước thải đề nghị cấp phép

Stt	Thông số	Đơn vị	QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B, K=1,2)
1.	pH	–	5 - 9
2.	BOD ₅ (20 ⁰ C)	mg/l	60
3.	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/l	120
4.	Sulfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	4,8
5.	Amoni (N-NH ₄ ⁺)	mg/l	12
6.	Nitrat (N-NO ₃ ⁻)	mg/l	60
7.	Dầu mỡ động, thực vật	mg/l	24
8.	Phosphat (P-PO ₄ ³⁻)	mg/l	12
9.	Tổng Coliforms	MPN/100 ml	5.000

(Nguồn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ô tô Trường Xuân, 2023)

- Vị trí, phương thức xả nước thải và nguồn tiếp nhận nước thải:
 - + Đối với nước thải sinh hoạt:
 - Vị trí xả nước thải: có tọa độ: X= 1098215 và Y= 586566 (hệ tọa độ VN-2000, kinh tuyến trực 105⁰30, múi chiều 3⁰);
 - Phương thức xả nước thải: theo hình thức tự thấm;
 - Nguồn tiếp nhận: môi trường đất tại khu vực.

4.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn

- Nguồn phát sinh: từ các phương tiện giao thông ra vào cơ sở.

- Giá trị giới hạn đối với thông số tiếng ồn được trình bày theo bảng sau:

Bảng 4.2. Giá trị giới hạn của tiếng ồn đề nghị cấp phép

Stt	Khu vực	Đơn vị	Giá trị giới hạn theo QCVN 26:2010/BTNMT	
			Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ
1	Khu vực đặt biệt	dBA	55	45
2	Khu vực thông thường	dBA	70	55

(Nguồn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ô tô Trường Xuân, 2023)

Chương V

KẾT QUẢ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ

5.1. Thành phần môi trường quan trắc tại cơ sở

Trong quá trình hoạt động cơ sở chưa thực hiện quan trắc môi trường định kỳ. Do đó, chủ cơ sở đã kết hợp với đơn vị kiểm nghiệm là Trung tâm Môi trường Sinh thái và Ứng dụng (Vimcerts 064) tiến hành đo đạc, lấy mẫu phân tích chất lượng môi trường tại khu vực cơ sở. Số lượng, địa điểm và vị trí thu mẫu quan trắc môi trường không khí tại cơ sở được thể hiện qua bảng sau:

Bảng 5.1. Số lượng mẫu môi trường không khí tại cơ sở

Stt	Tên mẫu	Ký hiệu mẫu	Đơn vị tính	Số lượng	Địa điểm lấy mẫu	Hệ tọa độ VN-2000	
						X	Y
1	Môi trường không khí bên trong cơ sở	KK ₁	Mẫu	01	Khu vực trung bày xe	1098179	586563
2	Môi trường không khí xung quanh	KK ₂	Mẫu	01	Khu vực trước cổng cơ sở, trên QL 53	1098146	586548

(Nguồn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu Ô tô Trường Xuân, 2023)

5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở

Bảng 5.2. Kết quả quan trắc môi trường không khí, tiếng ồn bên trong cơ sở

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 03:2019/BYT
1	Tiếng ồn	dBA	63,0	85 (*)
2	Bụi toàn phần	mg/m ³	0,142	8,0 (**)
3	SO ₂	mg/m ³	0,054	5,0
4	NO ₂	mg/m ³	0,047	5,0
5	CO	mg/m ³	4,72	20
6	CO ₂	mg/m ³	648	9.000

(Nguồn: Trung tâm Môi trường Sinh thái và Ứng dụng, 2023)

Ghi chú: - Giá trị giới hạn của thông số (*) so sánh theo QCVN 24:2016/BYT.

- Giá trị giới hạn của thông số (**) so sánh theo QCVN 02:2019/BYT.

* Nhận xét:

Qua kết quả từ bảng trên cho thấy, các thông số đo đạc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 24:2016/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn-Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc, thời gian tiếp xúc 8 giờ;

QCVN 03:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép của 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc, giới hạn tiếp xúc ca làm việc và QCVN 02:2019/BYT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn

Bảng 5.3. Kết quả quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn

Stt	Thông số	Đơn vị	Kết quả	QCVN 05:2013/BTNMT
1	Tiếng ồn	dBA	71,8	70 (*)
2	Bụi (TSP)	mg/m ³	0,183	0,3
3	SO ₂	mg/m ³	0,061	0,35
4	NO ₂	mg/m ³	0,058	0,2
5	CO	mg/m ³	3,70	30
6	CO ₂	mg/m ³	529	-

(Nguồn: Trung tâm Môi trường Sinh thái và Ứng dụng, 2023)

Ghi chú: - Giá trị giới hạn của thông số (*) so sánh theo QCVN 26:2010/BTNMT.

- “-“ Không quy định theo QCVN 26:2010/BTNMT.

* Nhận xét:

Qua kết từ bảng trên cho thấy, đa số các thông số đo đạc đều có giá trị nằm trong giới hạn cho phép theo QCVN 05:2013/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh. Riêng thông số tiếng ồn do bị ảnh hưởng bởi hoạt động của các phương tiện giao thông trên đường Quốc Lộ 53 nên kết quả đo đạc vượt 1,03 lần so với giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

→ Nhìn chung, các thông số quan trắc môi trường không khí bên trong và tiếng ồn và môi trường không khí xung quanh đảm bảo theo QCVN 24:2016/BYT; QCVN 02:2019/BYT; QCVN 03:2019/BYT và QCVN 05:2013/BTNMT. Riêng thông số tiếng ồn ở phía trước cổng cơ sở có giá trị vượt giới hạn cho phép theo QCVN 26:2010/BTNMT.

Chương VI**CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA CƠ SỞ****6.1. Chương trình quan trắc chất thải****a. Chương trình quan trắc nước thải tự động, liên tục, định kỳ**

Theo khoản 1 và khoản 2 Điều 111 của Luật Bảo vệ Môi trường năm 2020 và khoản 2 Điều 97 của Nghị định 08/2022 ngày 10/01/2022 thì cơ sở không thuộc đối tượng phải quan trắc nước thải tự động, liên tục và quan trắc nước thải định kỳ.

b. Chương trình quan trắc môi trường khác

Quan trắc môi trường không khí xung quanh và tiếng ồn:

- Vị trí: 01 mẫu tại khu vực phía trước cơ sở (KK);
- Tần suất giám sát: 06 tháng/lần;
- Thông số giám sát: tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, SO₂, NO₂, CO₂, CO.
- Quy chuẩn so sánh:
 - + QCVN 26:2010/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn;
 - + QCVN 05:2013/BTNMT-Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh;

6.2. Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm

Kinh phí thực hiện quan trắc môi trường hằng năm được chủ cơ sở trích từ kinh phí hoạt động của cơ sở.

Chi phí lấy mẫu, thử nghiệm các thông số quan trắc môi trường của cơ sở được thực hiện theo Quyết định số 46/2018/QĐ-UBND, ngày 19/12/2018 của UBND tỉnh Trà Vinh về ban hành bảng giá các thông số quan trắc môi trường trên địa bàn tỉnh Trà Vinh.

Bảng 6.1. Chi phí quan trắc môi trường định kỳ hàng năm của cơ sở

Stt	Thông số quan trắc	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	262.620	2	525.240
2	SO ₂	895.978	2	1.791.956
3	NO ₂	440.948	2	881.896
4	CO ₂	-	2	-
5	CO	533.241	2	1.066.482
6	Tiếng ồn trước cổng cơ sở	126.862	2	253.724
Tổng cộng		2.259.649	2	4.519.298

(Nguồn: Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ô tô Trường Xuân, 2023)

Chương VII
KẾT QUẢ KIỂM TRA, THANH TRA VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI CƠ SỞ

7.1. Kết quả kiểm tra việc chấp hành pháp luật về BVMT của cơ sở

Trong quá trình hoạt động tại cơ sở chưa có đoàn thanh tra kiểm tra.

Chương VIII
CAM KẾT CỦA CHỦ CƠ SỞ

Công ty cổ phần xuất nhập khẩu ô tô Trường Xuân xin cam kết:

- Chủ cơ sở cam kết về tính chính xác, trung thực của các số liệu, thông tin trong báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của cơ sở;
- Chủ cơ sở cam kết sẽ nghiêm túc thực hiện các biện pháp xử lý chất thải, các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường như đã nêu trong báo cáo này đáp ứng các quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật về bảo vệ môi trường.
- Cam kết chấp hành đúng các quy định về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan;
- Cam kết chuyển đổi mục đích sử dụng đất phù hợp với quy định pháp luật;
- Cam kết khi xảy ra sự cố môi trường, phải dừng các hoạt động, khắc phục sự cố và đền bù thiệt hại (nếu có).
- Cam kết bồi thường và khắc phục ô nhiễm môi trường theo đúng quy định trong trường hợp các sự cố, rủi ro môi trường xảy ra mà xác định nguyên nhân là do quá trình hoạt động của cơ sở;
- Chấp hành chế độ thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm của các cơ quan có thẩm quyền theo quy định của pháp luật;
- Chịu trách nhiệm trước Pháp luật Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam nếu vi phạm các công ước Quốc tế, các tiêu chuẩn Việt Nam, Quy chuẩn Việt Nam.

PHỤ LỤC KÈM THEO

PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN

PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO

PHỤ LỤC I: MỘT SỐ GIẤY TỜ CÓ LIÊN QUAN

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 2100653253

Đăng ký lần đầu: ngày 09 tháng 01 năm 2020

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 27 tháng 07 năm 2020

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Ô TÔ
TRƯỜNG XUÂN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TRUONG XUAN AUTO IMPORT EXPORT
JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TRUONG XUAN AUTO JSC

2. Địa chỉ trụ sở chính

Ấp Bến Cỏ, Xã Nguyệt Hóa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh, Việt Nam

Điện thoại: 0983763779

Email:

Fax:

Website:

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Mười lăm tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Tổng số cổ phần: 1.500.000

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: PHẠM THẾ HIỀN

Giới tính: Nam

Chức danh: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc

Sinh ngày: 02/05/1984 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 331394625

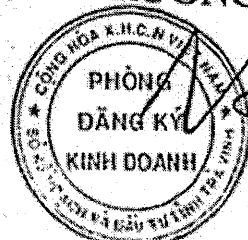
Ngày cấp: 02/05/2013

Nơi cấp: Công an Tỉnh Vĩnh Long

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 18 tổ 9, ấp Phú Thọ, Xã Tân Phú, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

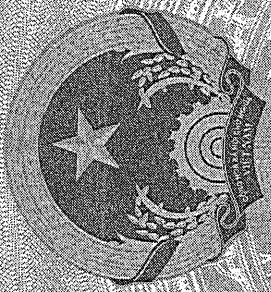
Chỗ ở hiện tại: Số 18 tổ 9, ấp Phú Thọ, Xã Tân Phú, Huyện Tam Bình, Tỉnh Vĩnh Long, Việt Nam

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Hoàng Đế

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN

QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT

QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC GẮN LIỀN VỚI ĐẤT

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Bà: **LAI THỊ KIM DIEN**
Nam sinh: 1943, CMND số: 334552271
Địa chỉ thường trú: Số 156, Điện Biên Phủ, Khóm 4, Phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh

B0 737868

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, tẩy xóa hoặc bỏ
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận. Khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



2 9 3 8 0 1 4 0 2 6 7 4 9

II. Thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

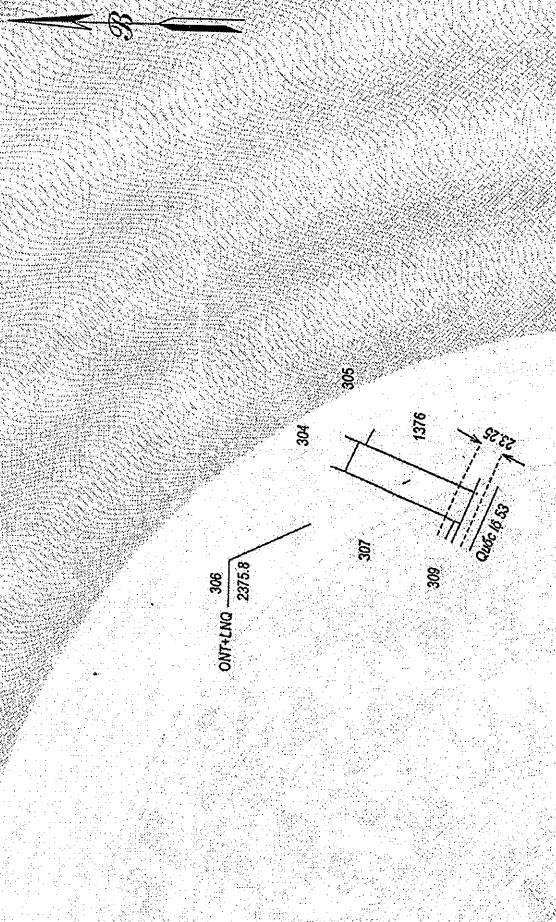
1. Thửa đất:

- a) Thửa đất số: 306, tờ bản đồ số: 34
- b) Địa chỉ: ấp Bến Cỏ, Xã Nguyệt Hòa, Huyện Châu Thành, Trà Vinh
- c) Diện tích: 2375,8 m², (bằng chữ: Hai nghìn ba trăm bảy mươi lăm phẩy tám mét vuông)
- d) Hình thức sử dụng: rừng; 2375,8 m², chung; Không
- đ) Mục đích sử dụng: - Đất ở 300,0 m²; - Đất trồng cây lâu năm 2075,8 m²
- e) Thời hạn sử dụng: - Đất ở: Lâu dài; - Đất trồng cây lâu năm: 26/12/2045
- g) Nguồn gốc sử dụng: Công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất: 300,0m²; Công nhận QSDĐ như giao đất không thu tiền sử dụng đất: 2075,8m²

- 2. Nhà ở: -/-
- 3. Công trình xây dựng khác: -/-
- 4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-
- 5. Cây lâu năm: -/-
- 6. Ghi chú:

Thửa đất có 438,0m² đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình giao thông
 Diện tích thửa đất chưa được đo đạc chính xác

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất



Tỷ lệ: 1/5000

Châu Thành, ngày 19 tháng 3 năm 2014
TM. ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Văn Điều

Số vào sổ cấp GCN: CH02391

IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Chuyển nhượng cho Ông PHẠM THẾ HIẾN, Sinh năm: 1984, CMND số: 331394625, địa chỉ thường trú: ấp Phú Thọ, xã Tân Phú, huyện Tam Bình, tỉnh Vĩnh Long, theo hồ sơ số 026749.CN.001

Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền

29/6/2020

GIÁM ĐỐC



Phạm Thế Hiến
Nguyễn Nguyệt

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

---o0o---

HỢP ĐỒNG KINH TẾ

(V/v: Thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại)

Số: 263.1.../2022/HĐ - TĐX

- Căn cứ Luật Dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015;
- Căn cứ Luật thương mại số 36/2005/QH11 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XI, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 14 tháng 6 năm 2005;
- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ Thông tư 02/2022/TT – BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
- Căn cứ vào chức năng và điều kiện xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh;
- Căn cứ vào nhu cầu của Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Ô Tô Trường Xuân;

Hôm nay, ngày 07 tháng 12 năm 2022, đại diện hai bên gồm có:

BÊN A : CÔNG TY CP XUẤT NHẬP KHẨU Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN

Địa chỉ : Ấp Bến Có, Xã Nguyệt Hóa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh.

Điện thoại : 0939419416

Fax:

Mã số thuế : 2100653253

Đại diện : Ông Phạm Thế Hiền

Chức vụ: Tổng Giám đốc

BÊN B : CÔNG TY CP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG TRÁI ĐẤT XANH

Địa chỉ : Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Điện thoại : 0272.3758858

Fax: 0272.3758828

Mã số thuế : 1101404258

Số tài khoản : 118492999. Tại Ngân hàng Á Châu, Chi nhánh Phú Lâm, TP.HCM.

Đại diện : Ông Đỗ Huy Lực

Chức vụ: Tổng giám đốc

Sau khi thỏa thuận, hai bên đồng ý ký kết hợp đồng với các điều khoản sau đây:

ĐIỀU 1. NỘI DUNG HỢP ĐỒNG

1.1 Bên A đồng ý chọn Bên B thực hiện dịch vụ thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Ô Tô Trường Xuân theo đúng chức năng hành nghề của Bên B đã được cấp phép.

1.2 Toàn bộ chất thải được chuyên chở và đưa về xử lý tại Nhà máy xử lý chất thải nguy hại của Công ty Cổ phần Công nghệ Môi trường Trái Đất Xanh, tại địa chỉ: Lô 04HG-1, Đường dọc kênh Ranh, KCN Xuyên Á, ấp Tràm Lạc, xã Mỹ Hạnh Bắc, huyện Đức Hòa, tỉnh Long An

1.3 Hợp đồng có thời hạn 01 (một) năm, kể từ ngày 07 tháng 12 năm 2022 đến ngày 06 tháng 12 năm 2023.

ĐIỀU 2. SỐ LƯỢNG, DANH MỤC CHẤT THẢI XỬ LÝ VÀ ĐƠN GIÁ

2.1 Số lượng

2.1.1 Số lượng chất thải phụ thuộc vào quá trình phát sinh chất thải nguy hại (CTNH) của Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Ô Tô Trường Xuân đang lưu giữ tại kho.

2.1.2 Số lượng chất thải được tính theo số lượng thực tế mà Bên A giao cho Bên B thông qua Biên bản giao nhận có xác nhận của đại diện hai bên.

2.2 Đơn giá xử lý

Lượng chất thải sẽ được thu gom 01 lần/01 năm;

Chi phí cho việc thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải như sau:

- Nếu tổng khối lượng chất thải bàn giao của 1 (một) năm ≤ 75 kg thì chi phí vận chuyển, xử lý với giá khoán là: 9.000.000 VNĐ (Chín triệu đồng chẵn);
- Nếu khối lượng chất thải bàn giao của 01 (một) năm > 75 kg, thì chi phí tính là:
 $= [(Tổng\ khối\ lượng\ chất\ thải - 75\ kg) \times 15.000đ/kg] + 9.000.000 VNĐ$

Ghi chú:

- Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT
- Khối lượng chất thải đều được quy đổi bằng đơn vị kilogram;
- Xe vận chuyển có chức năng vận chuyển và xử lý CTNH được Bộ TNMT cấp phép.

Danh mục chất thải và điều kiện lưu giữ:

Danh mục các mã chất thải và điều kiện lưu giữ: Căn cứ theo sổ đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại của Bên A được cấp.

STT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã CTNH
01	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01
02	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03
03	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06

04	Thiết bị thải có các bộ phận, linh kiện điện tử	Rắn	19 02 05
05	Dầu nhiên liệu và dầu diesel thải	Lỏng	17 06 01
06	Bao bì kim loại cứng thải	Rắn	18 01 02
07	Bao bì nhựa cứng thải	Rắn	18 01 03
08	Que hàn thải có các kim loại nặng hoặc thành phần nguy hại	Rắn	07 04 01
09	Bộ lọc dầu	Rắn	15 01 02

ĐIỀU 3. ĐỊA ĐIỂM THU GOM VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

3.1 Địa điểm thu gom

3.1.1 Địa điểm thu gom chất thải ở kho Công ty CP Xuất Nhập Khẩu Ô Tô Trường Xuân, địa chỉ: Ấp Bến Cỏ, Xã Nguyệt Hóa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Trà Vinh.

3.1.2 Sau thu gom và xử lý chất thải, căn cứ trên Biên bản giao nhận thức tế có xác nhận của đại diện hai bên, Bên B phát hành hóa đơn tài chính hợp lệ cho Bên A về chi phí xử lý chất thải nguy hại

3.2 Phương thức thanh toán

3.2.1 Hình thức thanh toán: Bên A thanh toán chi phí thu gom, vận chuyển và xử lý cho Bên B theo hình thức chuyển khoản.

3.2.2 Thời hạn thanh toán: Sau khi thu gom trong vòng 30 ngày Bên A nhận được hóa đơn tài chính và chứng từ CTNH theo phụ lục 3 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT đã được ký tên và đóng dấu, Bên A sẽ thanh toán 100% giá trị hợp đồng và chi phí phát sinh (nếu có) cho Bên B.

ĐIỀU 4. TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC BÊN

4.1 Trách nhiệm của Bên A

4.1.1 Toàn bộ chất thải của Bên A phải được thu gom, phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và có nhãn chất thải: chất thải rắn chứa vào bao PE, chất thải lỏng chứa vào thùng có nắp đậy kín và lưu trữ tại một khu vực riêng biệt, cố định để thuận tiện khi Bên B đến thu gom chất thải.

4.1.2 Khi bàn giao chất thải nguy hại, Bên A phải giao 01 bộ "Chứng từ chất thải nguy hại" gồm 04 liên theo phụ lục 03 Thông tư 02/2022/TT-BTNMT và đã được Bên A ký tên, đóng dấu ở mục 06 cho Bên B trong ngày thu gom chất thải.

4.1.3 Nếu Bên A không phân loại chất thải theo từng loại riêng biệt và không bàn giao chứng từ chất thải nguy hại trong ngày chuyển giao chất thải đúng theo quy định môi trường, thì Bên B sẽ không nhận hàng và Bên A phải chịu toàn bộ chi phí vận chuyển là 5.000.000 VNĐ (Viết bằng chữ: Năm triệu đồng).

4.1.4 Bên A tạo điều kiện thuận lợi cho cán bộ của Bên B thực hiện đóng gói chất thải, cử nhân viên giám sát trong quá trình thu gom chất thải hay cung cấp giấy tờ cần thiết khi ra vào cổng Công ty.

4.2 Trách nhiệm của Bên B

01/10/2022
NG 1
PHẢI
NƠI TRƯ
XANH
LONG

006532
CÔNG TY
Ổ PHẢI
NHẬP KHẨU
RƯỜNG XỨ
H TRÀ

4.2.1 Bên B có trách nhiệm thực hiện vận chuyển theo yêu cầu của Bên A để tránh tình trạng ứ đọng kho bãi, bảo đảm chất thải được xử lý và tái chế, tái sử dụng theo đúng quy định hiện hành của Chính phủ Việt Nam về bảo vệ môi trường. Chất thải nguy hại được xử lý bằng các phương pháp đã đăng ký trong giấy phép xử lý, tiêu hủy CTNH đã được cấp của Bên B.

4.2.2 Bên B có trách nhiệm làm thủ tục xuất trình giấy tờ cần thiết và thực hiện tốt nội quy của Bên A khi xe và công nhân của Bên B ra/vào cổng Bên A.

4.2.3 Sau khi chất thải của Bên A được giao cho Bên B, nếu có bất kỳ sự cố nào xảy ra trong quá trình vận chuyển, lưu giữ và xử lý thì Bên B hoàn toàn chịu trách nhiệm.

4.2.4 Vận chuyển chất thải ra khỏi cổng của Bên A khi đủ chuyến và chỉ chở loại hàng trong danh mục chất thải của Hợp đồng này.

4.2.5 Bên B phải mang đầy đủ các phương tiện thiết bị chuyên dụng cần thiết khi đến thu gom chất thải. Tuân thủ quy chế quản lý chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật về việc thu gom, vận chuyển và xử lý CTNH.

4.2.6 Bên B phải cung cấp chứng từ chất thải nguy hại cho Bên A sau khi đã hoàn thành việc xử lý chất thải nguy hại.

4.2.7 Bên B phải cung cấp các hồ sơ liên quan đến việc thu gom và xử lý chất thải cho Bên A, để Bên A có căn cứ ký hợp đồng và khi Bên A yêu cầu.

ĐIỀU 5. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

5.1 Hai bên cam kết thực hiện đúng và đầy đủ các điều khoản đã ký, không bên nào được tự ý thay đổi nội dung hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng khi chưa có sự thỏa thuận bằng văn bản của hai bên. Bên nào vi phạm sẽ phải bồi thường toàn bộ thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra cho bên bị thiệt hại.

5.2 Mọi tranh chấp phát sinh đều được ưu tiên giải quyết trên tinh thần hợp tác, thương lượng. Nếu hai bên không tự giải quyết được vấn đề, cả hai cùng thống nhất sẽ đưa ra giải quyết theo quy định pháp luật Việt Nam hiện hành và theo quyết định Tòa án nhân dân TP. HCM hoặc Tòa án Kinh tế có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là quyết định cuối cùng mà cả hai bên đều phải tuân thủ. Mọi chi phí cho việc xét xử do bên thua kiện chịu trách nhiệm thanh toán.

5.3 Bên B có trách nhiệm photo và đóng dấu các giấy phép kinh doanh, giấy phép hành nghề xử lý chất thải theo yêu cầu của Luật Bảo vệ môi trường cho Bên A.

ĐIỀU 6. TRƯỜNG HỢP BẤT KHẢ KHÁNG

6.1 Thực hiện nghiêm chỉnh hợp đồng là nghĩa vụ của các bên liên quan trong hợp đồng và cũng là một nguyên tắc luật định. Tuy nhiên, không phải lúc nào hợp đồng cũng được thực hiện một cách suôn sẻ. Vẫn có thể có những biến cố xảy ra làm ảnh hưởng đến quá trình thực hiện hợp đồng của các bên. Trong đó có những sự cố nằm ngoài khả năng dự đoán và kiểm soát của các bên, xảy ra không phải do lỗi của các bên, mà do các "sự

kiện bất khả kháng” như: lũ lụt, hỏa hoạn, bão, động đất, sóng thần, chiến tranh, bạo loạn, đảo chính, đình công, cấm vận, thay đổi chính sách của chính phủ,....

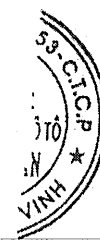
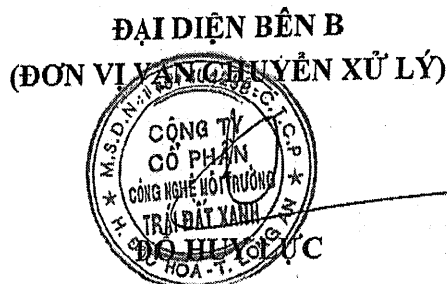
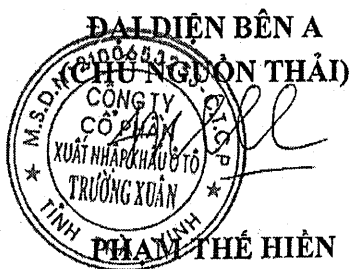
6.2 Khi có các sự kiện này xảy ra làm chậm trễ quá trình thực hiện hợp đồng của một trong các bên liên quan đến hợp đồng, thì bên xảy ra sự cố phải nhanh chóng thông báo cho Bên còn lại, để cùng nhau giải quyết các vấn đề phát sinh.

ĐIỀU 7. HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG

7.1 Hợp đồng này có hiệu lực 01(một) năm kể từ ngày ký và kết thúc sau khi việc vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại, thanh toán chi phí xử lý hoàn tất.

7.2 Việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng chỉ có hiệu lực thi hành bằng cách: Hai bên thỏa thuận ký kết phụ lục bổ sung hoặc ký kết hợp đồng mới. Phụ lục bổ sung hợp đồng là một bộ phận không thể tách rời với hợp đồng và có hiệu lực như hợp đồng chính. Nếu phụ lục bổ sung hợp đồng có những điều khoản trái với điều khoản nào trong hợp đồng thì được coi điều khoản đó trong hợp đồng chính đã được sửa đổi.

7.3 Hợp đồng này gồm 07 (bảy) Điều, 05 (năm) trang và được lập thành 04 (bốn) bản. Mỗi bên giữ 02 (hai) bản có giá trị pháp lý như nhau./.



PHỤ LỤC II: PHIẾU KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM



BIÊN BẢN THU NHẬN MẪU

Hôm nay, vào lúc..... ngày 04/ 01/ 2023, tại

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng tiến hành lấy mẫu để kiểm tra đánh giá.

Đơn vị giám sát:

Đơn vị yêu cầu: CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN

Tên dự án: CƠ SỞ XUẤT NHẬP KHẨU Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN

Địa chỉ lấy mẫu: Ấp Bến Cỏ, xã Nguyệt Hóa, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

Mã số thuế:ĐT.....Ngành nghề:

I. Đại diện đơn vị lấy mẫu:

Ông (Bà) Nguyễn Xuân Tiến

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

Ông (Bà) Nguyễn Phụng

Chức vụ: Nhân viên quan trắc

II. Đại diện đơn vị yêu cầu:

Ông (Bà) Chức vụ:

III. Đại diện đơn vị giám sát:

Ông (Bà) Chức vụ:

Ông (Bà) Chức vụ:

IV. Số biên bản thành lập: bản có chữ ký xác nhận của các bên tham gia.

V. Điều kiện lấy mẫu:

❖ Kết quả lấy mẫu:

TT	Loại mẫu	Ký hiệu	Vị trí lấy mẫu	Thời gian	Chỉ tiêu phân tích	Tọa độ
01	Chất lượng không khí	KK1	Vị trí bên trong cơ sở - Khu vực trung bày xe		Tiếng ồn, bụi toàn phần, SO ₂ , NO ₂ , CO ₂ , CO	
02	Chất lượng không khí	KK2	Vị trí bên ngoài cơ sở - Phía trước cổng cơ sở (trên Quốc lộ 53)		Tiếng ồn, tổng bụi lơ lửng, SO ₂ , NO ₂ , CO ₂ , CO	

Đại diện đơn vị yêu cầu

Đại diện đơn vị giám sát

Đại diện đơn vị lấy mẫu

Nguyễn Chi Châu Huỳnh

Nguyễn Thị Hồng Chi

Nguyễn Xuân Tiến

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Số: 020/01-23

Mã mẫu: 2301KK055-2301KK056 (007/01-23) Trang : 1/1

Đơn vị yêu cầu : CÔNG TY CỔ PHẦN XUẤT NHẬP KHẨU Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN
Tên dự án : CỬ SỞ XUẤT NHẬP KHẨU Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN
Địa chỉ lấy mẫu : Ấp Bến Có, xã Nguyệt Hoá, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh
Ngày lấy (nhận) mẫu : 04/01/2023 **Ngày trả kết quả**: 11/01/2023
Thời gian lưu mẫu : Không lưu
Loại mẫu : Chất lượng không khí, tiếng ồn
Điều kiện lấy mẫu : Trời nắng, công ty hoạt động bình thường
Ký hiệu / vị trí lấy mẫu : **KK1** khu vực trung bày xe
: **KK2** khu vực trước cổng cơ sở, trên QL53

STT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp Phân tích	Kết quả	
				KK1	KK2
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2010	63,0	71,8
2	Bụi toàn phần	mg/m ³	TCVN 5067:1995	0,142	-
3	Bụi (TSP)	mg/m ³	TCVN 5067:1995	-	0,183
4	SO ₂	mg/m ³	TCVN 5971:1995	0,054	0,061
5	NO ₂	mg/m ³	TCVN 6137:2009	0,047	0,058
6	CO	mg/m ³	HD-TMBQK 01	4,72	3,70
7	CO ₂ (*)	mg/m ³	QCVN 03:2019/BYT	648	529

Ghi Chú: KPH: Không phát hiện

MDL: Giới hạn phát hiện của phương pháp

() Không được quy định trong thông tư 10/2021/TT-BTNMT - Không công bố Vimcets*

PHÒNG THÍ NGHIỆM
Trưởng phòng



PHẠM THANH TOÀN

KT.GIÁM ĐỐC
Phó Giám Đốc



HOÀNG VĂN TÍN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM



GIẤY CHỨNG NHẬN

ĐIỀU KIỆN VÀ THÔNG TIN
KINH DOANH VÀ MÃ SỐ

QUY ĐỊNH SỬ DỤNG GIẤY CHỨNG NHẬN

1. Giấy chứng nhận này chỉ được sử dụng để chứng minh các thông tin đã được ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh và không được sử dụng để chứng minh các thông tin khác.
2. Giấy chứng nhận này chỉ được sử dụng để chứng minh các thông tin đã được ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh và không được sử dụng để chứng minh các thông tin khác.
3. Giấy chứng nhận này chỉ được sử dụng để chứng minh các thông tin đã được ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh và không được sử dụng để chứng minh các thông tin khác.
4. Giấy chứng nhận này chỉ được sử dụng để chứng minh các thông tin đã được ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh và không được sử dụng để chứng minh các thông tin khác.
5. Giấy chứng nhận này chỉ được sử dụng để chứng minh các thông tin đã được ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh và không được sử dụng để chứng minh các thông tin khác.
6. Giấy chứng nhận này chỉ được sử dụng để chứng minh các thông tin đã được ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh và không được sử dụng để chứng minh các thông tin khác.
7. Giấy chứng nhận này chỉ được sử dụng để chứng minh các thông tin đã được ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh và không được sử dụng để chứng minh các thông tin khác.
8. Giấy chứng nhận này chỉ được sử dụng để chứng minh các thông tin đã được ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh và không được sử dụng để chứng minh các thông tin khác.
9. Giấy chứng nhận này chỉ được sử dụng để chứng minh các thông tin đã được ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh và không được sử dụng để chứng minh các thông tin khác.
10. Giấy chứng nhận này chỉ được sử dụng để chứng minh các thông tin đã được ghi trong hồ sơ đăng ký kinh doanh và không được sử dụng để chứng minh các thông tin khác.

ĐIỀU KIỆN VÀ THÔNG TIN

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

CHỨNG NHẬN

**ĐỦ ĐIỀU KIỆN HOẠT ĐỘNG
DỊCH VỤ QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG**

Số hiệu: **VIMCERTS 064**
(*Cấp lần 4*)

Tên tổ chức:

Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng

Trụ sở chính: Số 76/49 Tây Hoa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ phòng thí nghiệm: Số 76/19 Tây Hoa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Quyết định số 1061/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thí nghiệm và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường.

Người đứng đầu tổ chức:

Họ và tên: Hoàng Văn Tung Chức vụ: Giám đốc

Căn cước công dân số: 069073000063

Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư

Ngày cấp: 15 tháng 5 năm 2017

Thời hạn của Giấy chứng nhận: Ba (03) năm

Kết từ ngày ký đến hết ngày 27 tháng 5 năm 2024.

LĨNH VỰC VÀ PHẠM VI ĐƯỢC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN

I. QUAN TRẮC HIỆN TRƯỜNG

- 1. Nước:
 - Nước mặt và lục địa: Lấy mẫu: 04 thông số
 - Nước ngầm: Lấy mẫu: 01 thông số
- 2. Không khí xung quanh:
 - Không khí trong nhà: Lấy mẫu: 01 thông số
 - Không khí ngoài trời: Lấy mẫu: 01 thông số
- 3. Đất: Lấy mẫu: 01 thông số
- 4. Trầm tích: Lấy mẫu: 01 thông số
- 5. Bùn: Lấy mẫu: 01 thông số
- 6. Chất thải rắn: Lấy mẫu: 01 thông số

II. PHÂN TÍCH MÔI TRƯỜNG

- 1. Nước:
 - Nước mặt và lục địa: 28 thông số
 - Nước ngầm: 23 thông số
- 2. Không khí:
 - Không khí xung quanh: 07 thông số
- 3. Đất: 09 thông số
- 4. Trầm tích: 05 thông số
- 5. Bùn: 05 thông số

(Chỉ nội phương pháp thử, giới hạn phát hiện của các thông số được chứng nhận kèm theo Quyết định số 1061/QĐ-BTNMT ngày 28 tháng 5 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường)

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2021

**REPO TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



Võ Tuấn Nhân

BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1061 /QĐ-BTNMT

Hà Nội, ngày 28 tháng 5 năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm và đủ điều kiện
hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23 tháng 6 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 36/2017/NĐ-CP ngày 04 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và Nghị định số 154/2018/NĐ-CP ngày 09 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số quy định về điều kiện đầu tư, kinh doanh trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ và một số quy định về kiểm tra chuyên ngành;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 19/2015/TT-BTNMT ngày 23 tháng 4 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết việc thẩm định điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và mẫu giấy chứng nhận;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13 tháng 5 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy định quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 796/QĐ-BTNMT ngày 27 tháng 3 năm 2020 về việc ban hành Quy trình thi điểm liên thông giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực quan trắc môi trường thuộc thẩm quyền của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Căn cứ Hồ sơ đề nghị thực hiện quy trình thủ tục liên thông giải quyết thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và thủ tục cấp Giấy Chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường của Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;



Căn cứ kết quả thẩm định của Tổng cục Môi trường về việc cấp Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường đối với Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng;

Theo đề nghị của Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Chứng nhận “Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng”, địa chỉ tại số 76/19 Tây Hòa, phường Phước Long A, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh, đã đăng ký hoạt động thử nghiệm trong lĩnh vực quan trắc môi trường (số đăng ký 064/TN-QTMT) theo quy định tại Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp và đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (mã số VIMCERTS 064) theo quy định tại Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường (các Giấy chứng nhận kèm theo Quyết định này).

Điều 2. Thông tin chi tiết về lĩnh vực và phạm vi chứng nhận tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 3. Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng phải thực hiện đầy đủ quy định về chứng nhận theo Nghị định số 107/2016/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2016 của Chính phủ quy định về điều kiện kinh doanh dịch vụ đánh giá sự phù hợp, Nghị định số 127/2014/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2014 của Chính phủ quy định điều kiện của tổ chức hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường và các quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực ba năm kể từ ngày ký.

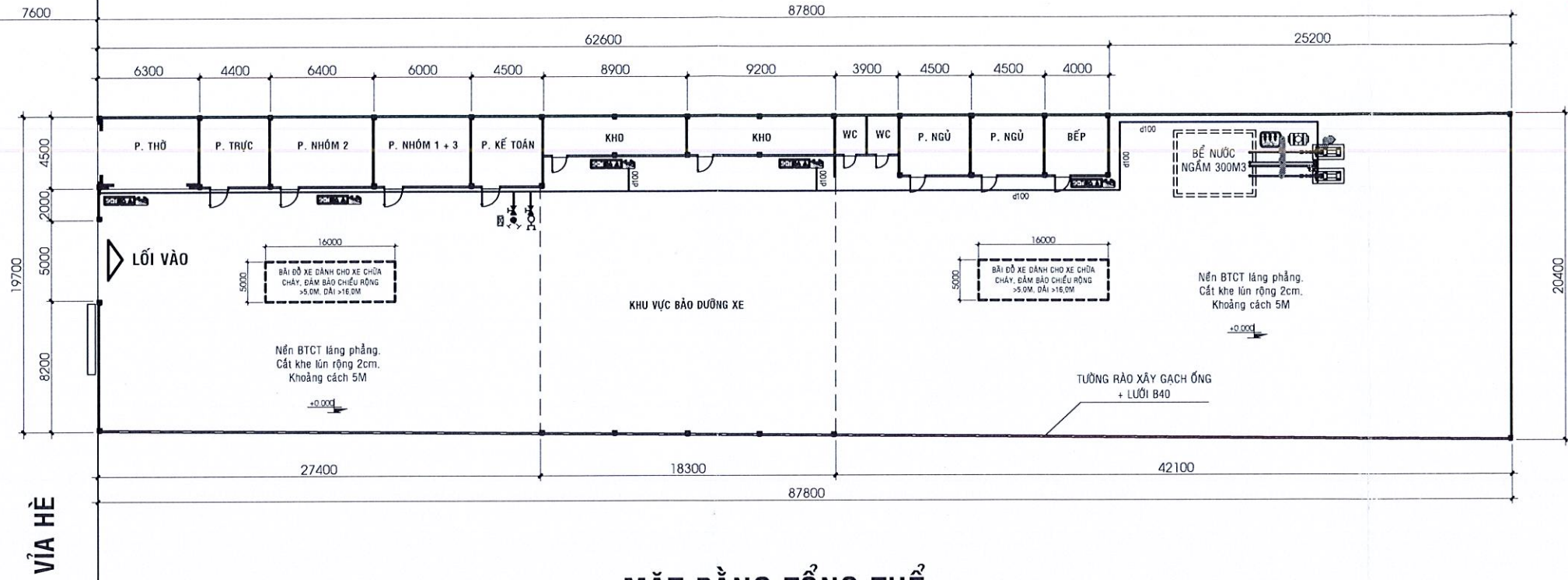
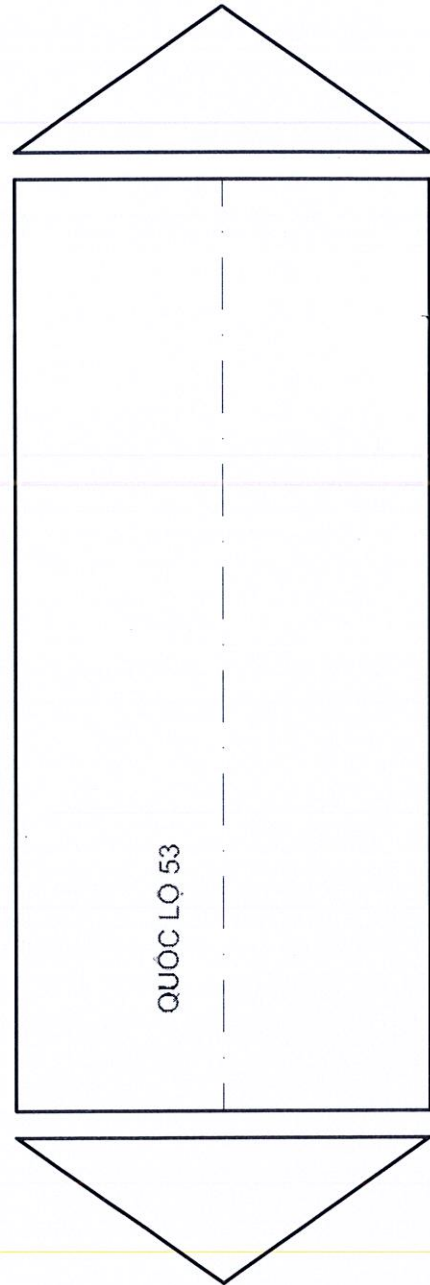
Tổng Cục trưởng Tổng cục Môi trường, Chánh Văn phòng Bộ và Trung tâm Môi trường và Sinh thái Ứng dụng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Bộ trưởng Trần Hồng Hà (để báo cáo);
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Sở TN&MT Tp. Hồ Chí Minh;
- Lưu: VT, VPMC, TCMT, QLQL(12).



PHỤ LỤC III: CÁC BẢN VẼ KÈM THEO



MẶT BẰNG TỔNG THỂ TL: 1/200

- GHI CHÚ:
- THỬA ĐẤT SỐ DIỆN TÍCH 2.375,8 M²
 - DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 580 M²
 - MẬT ĐỘ XÂY DỰNG 24,4 %
 - CAO TRÌNH NỀN TẦNG TRỆT CAO 0,1 M
 - KẾT CẤU KHUNG SÀN BTCT
 - MÓNG BTCT TRÊN NỀN GIA CỐ BẰNG CỤ TRÀM
 - NỀN LÁT GẠCH MEN
 - MÁI LỢP TOLE
 - TƯỜNG BAO XÂY GẠCH ỐNG DÀY 10 CM VÀ 20 CM.
 - VỮA XÂY, VỮA TRÁT DÀY 15 MM.
 - TƯỜNG, TRẦN TRÉT MATIT 2 LỚP, SƠN NƯỚC 2 LỚP.

CÔNG TRÌNH:

SHOWROOM TRƯỜNG XUÂN TRÀ VINH

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MTV HỒNG ANH VĨNH LONG
GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THANH NGÀ

THIẾT KẾ

VÕ ANH DUY

BẢN VẼ:

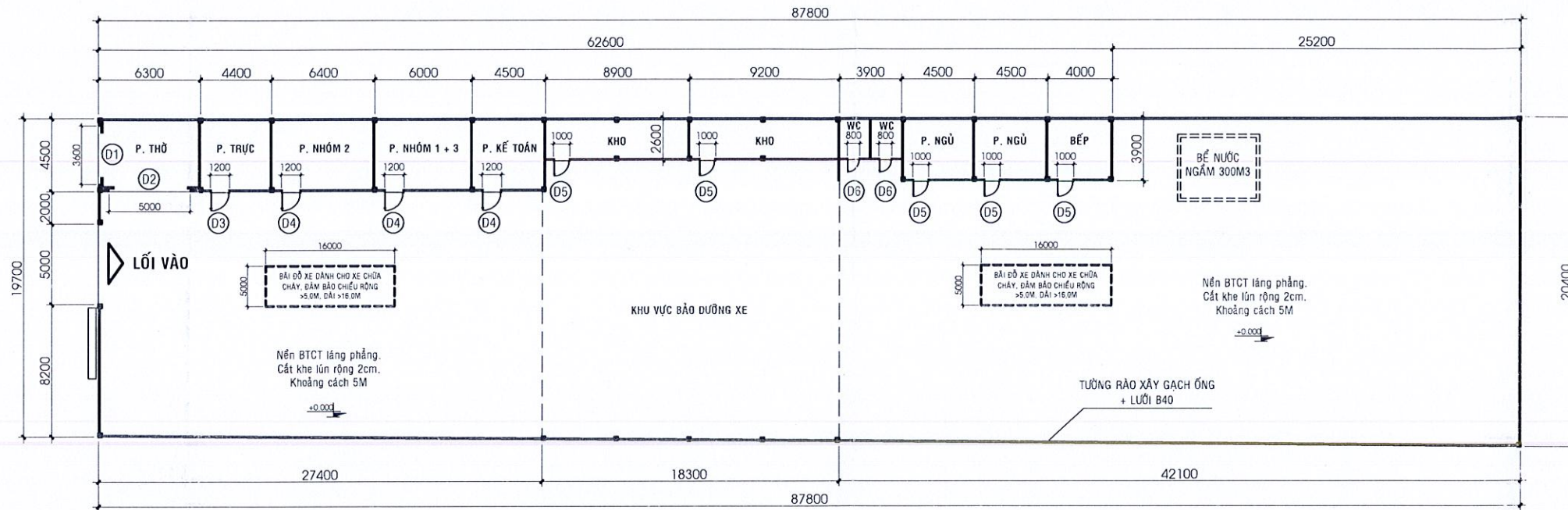
MẶT BẰNG TỔNG THỂ

NGÀY HOÀN THÀNH

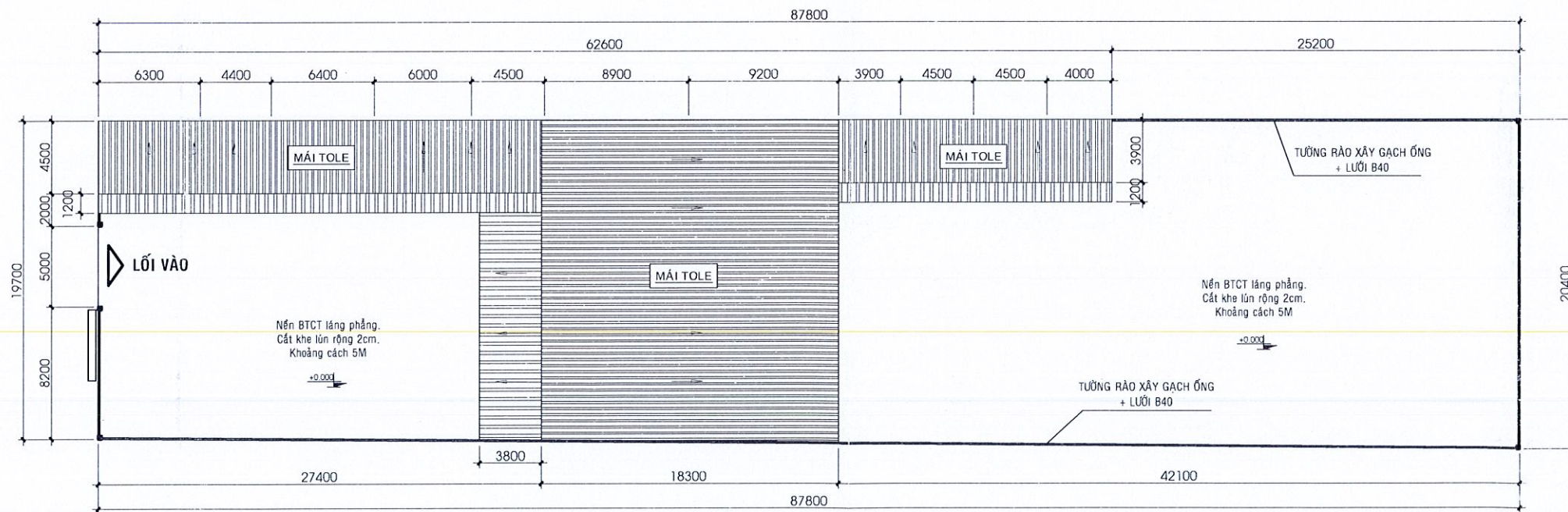
11 / 2022

KÝ HIỆU BẢN VẼ

TK : 01 / 12



MẶT BẰNG TẦNG TRỆT TL: 1/100



MẶT BẰNG TẦNG MÁI TL: 1/100

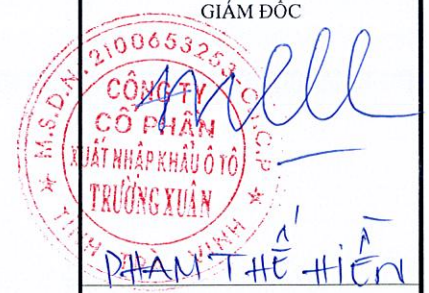
CÔNG TRÌNH:

SHOWROOM TRƯỜNG XUÂN
TRÀ VINH

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK
Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MTV
HỒNG ANH VĨNH LONG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THANH NGA

THIẾT KẾ

VÕ ANH DUY

BẢN VẼ:

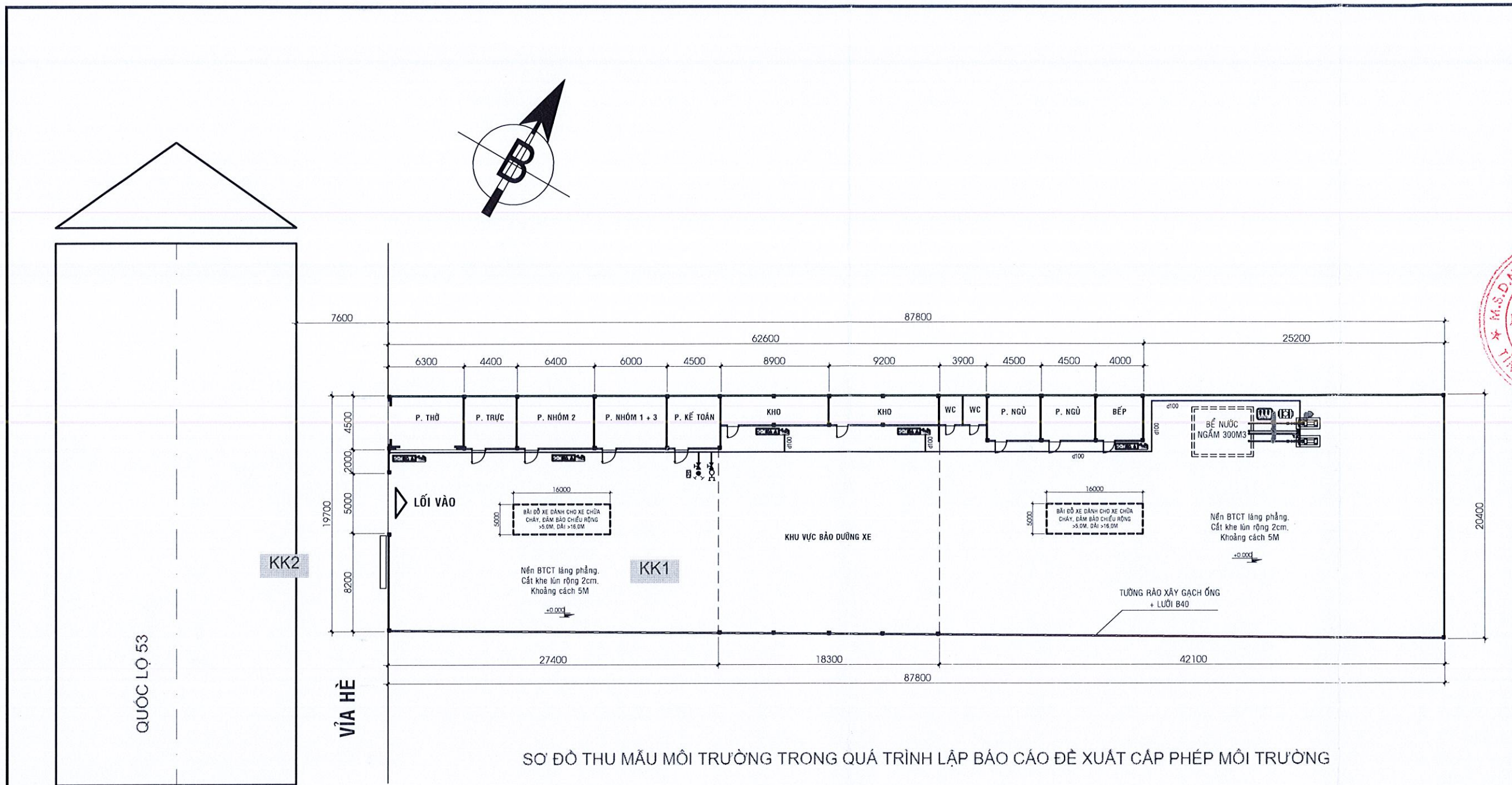
MẶT BẰNG TẦNG
TRỆT VÀ MẶT BẰNG
TẦNG MÁI

NGÀY HOÀN
THÀNH

11 / 2022

KÝ HIỆU
BẢN VẼ

TK : 02 / 12

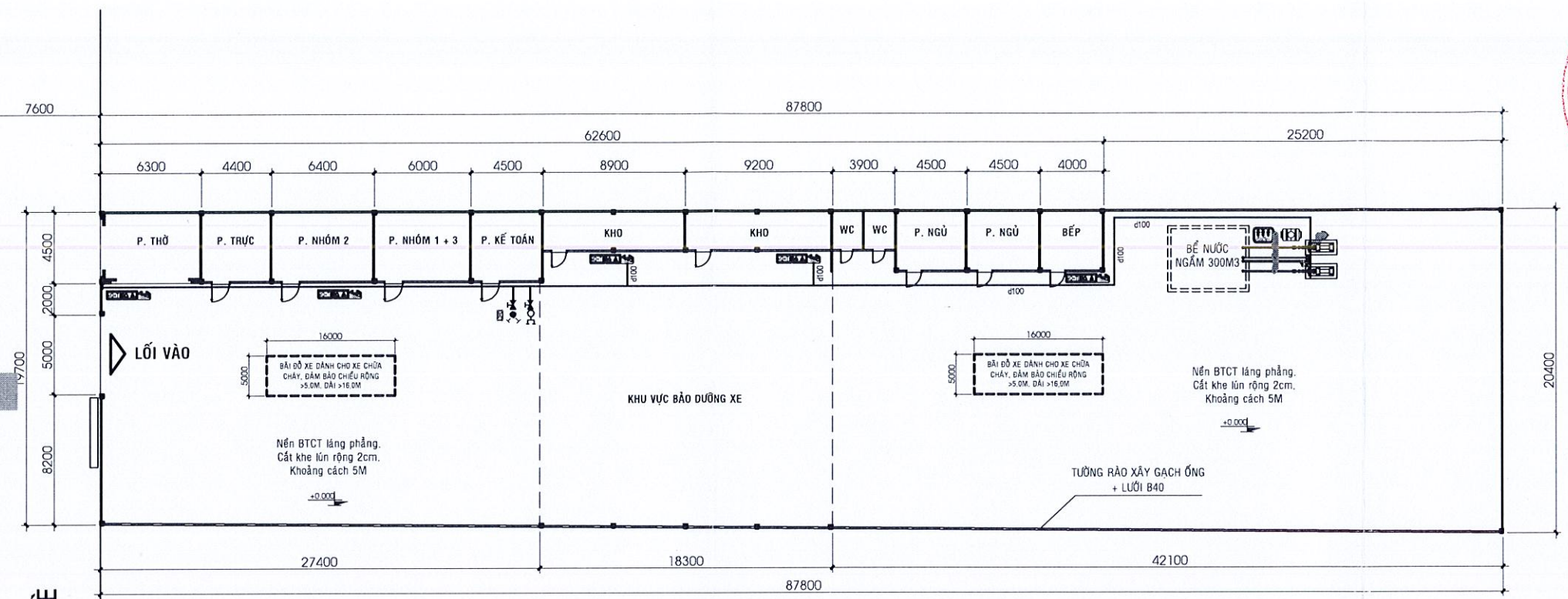
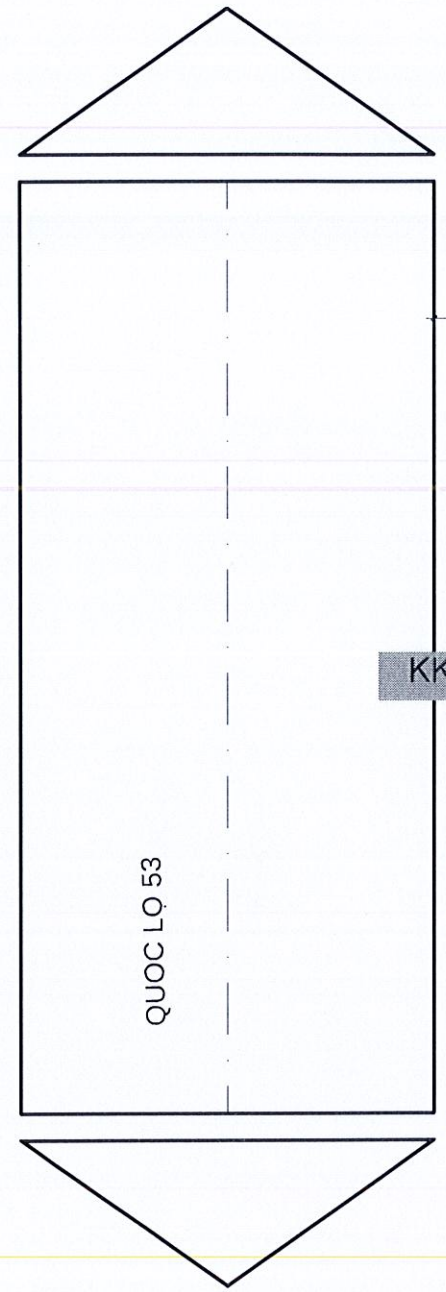


SƠ ĐỒ THU MẪU MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG

- GHI CHÚ:
- THỬA ĐẤT SỐ DIỆN TÍCH 2.375,8 M2
 - DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 580 M2
 - MẬT ĐỘ XÂY DỰNG 24,4 %
 - CAO TRÌNH NỀN TẦNG TRỆT CAO 0,1 M
 - KẾT CẤU KHUNG SÀN BTCT
 - MŨNG BTCT TRÊN NỀN GIA CỐ BẰNG CỤ TRÂM
 - NỀN LÁT GẠCH MEN
 - MÁI LỢP TOLE
 - TƯỜNG BAO XÂY GẠCH ỚNG DÀY 10 CM VÀ 20 CM.
 - VỮA XÂY, VỮA TRẮT DÂY 15 MM.
 - TƯỜNG, TRẦN TRÉT MATIT 2 LỚP, SƠN NƯỚC 2 LỚP.



CÔNG TRÌNH:	
SHOWROOM TRƯỜNG XUÂN TRÀ VINH	
CHỦ ĐẦU TƯ:	
CÔNG TY CỔ PHẦN XNK Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN	
GIÁM ĐỐC	
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:	
CÔNG TY TNHH MTV HỒNG ANH VĨNH LONG	
GIÁM ĐỐC	
NGUYỄN THỊ THANH NGA	
THIẾT KẾ	
VÔ ANH DUY	
BẢN VẼ:	
SƠ ĐỒ THU MẪU MÔI TRƯỜNG TRONG QUÁ TRÌNH LẬP BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP PHÉP MÔI TRƯỜNG	
NGÀY HOÀN THÀNH	11 / 2022
KÝ HIỆU BẢN VẼ	TK : 01 / 12



SƠ ĐỒ QUAN TRẮC ĐỊNH KỲ

- GHI CHÚ:**
- THỬA ĐẤT SỐ DIỆN TÍCH 2.375,8 M²
 - DIỆN TÍCH XÂY DỰNG 580 M²
 - MẬT ĐỘ XÂY DỰNG 24,4 %
 - CAO TRÌNH NỀN TẦNG TRỆT CAO 0,1 M
 - KẾT CẤU KHUNG SÀN BTCT
 - MÓNG BTCT TRÊN NỀN GIA CỐ BẰNG CỤ TRÀM
 - NỀN LÁT GẠCH MEN
 - MÁI LỢP TOLE
 - TƯỜNG BAO XÂY GẠCH ỚNG DÀY 10 CM VÀ 20 CM.
 - VỮA XÂY, VỮA TRÁT DÂY 15 MM.
 - TƯỜNG, TRẦN TRÉT MATIT 2 LỚP, SƠN NƯỚC 2 LỚP.

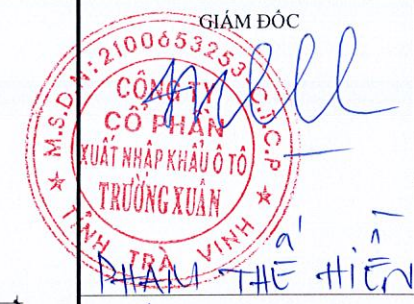
CÔNG TRÌNH:

SHOWROOM TRƯỜNG XUÂN
TRÀ VINH

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY CỔ PHẦN XNK
Ô TÔ TRƯỜNG XUÂN

GIÁM ĐỐC



ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY TNHH MTV
HỒNG ANH VĨNH LONG

GIÁM ĐỐC

NGUYỄN THỊ THANH NGÀ

THIẾT KẾ

VÕ ANH DUY

BẢN VẼ:

**SƠ ĐỒ QUAN
TRẮC ĐỊNH KỲ**

NGÀY HOÀN
THÀNH 11 / 2022

KÝ HIỆU
BẢN VẼ TK : 01 / 12